

UBND TỈNH LONG AN  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 594 /QĐ-SGDĐT

Long An, ngày 23 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước**  
**năm 2025 – đợt 4**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LONG AN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh Long An về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 12899/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh Long An về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Long An năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4287/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của UBND tỉnh Long An về việc điều chỉnh giảm dự toán chi NSNN năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo và bổ sung có mục tiêu năm 2025 cho ngân sách huyện Cần Đước;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-SGDĐT ngày 02/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Long An về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của phòng Hành chính Quản trị - Sở Giáo dục và Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 – đợt 4 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 – đợt 4 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Trưởng phòng Hành chính - Quản trị, Kế toán trưởng, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, P.HCQT.



Nguyễn Quang Thái



## SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu biểu số 48

Chương: 422

## ĐIỀU CHỈNH GIÁM DỤC TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 - ĐỢT 4

Đơn vị: Trường THPT Cần Đức

Mã số: 1044536

Mã KBNN nơi giao dịch: 0518

(Kèm theo Quyết định số 594 /QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Sở GD&amp;ĐT)

Đơn vị: đồng

| STT       | Nội dung                                                                                     | Tổng số      |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp</b>                                |              |
| <b>1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp</b>                                                         | -            |
| 1.1       | Thu sự nghiệp                                                                                | -            |
| a         | Học phí                                                                                      |              |
| b         | Thu khác                                                                                     |              |
| <b>2</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại</b>                                       | -            |
| 2.1       | Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại                                                       | -            |
|           | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề                                                    | -            |
|           | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                               | -            |
| <b>3</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp nộp NSNN</b>                                                | -            |
|           | Số thu sự nghiệp nộp NSNN                                                                    |              |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                        | -712.735.357 |
| <b>1</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                                           | -712.735.357 |
| 1.1       | <b>Giáo dục trung học phổ thông - MNKT 074</b>                                               | -712.735.357 |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                               | -712.735.357 |
|           | Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh                                                  |              |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                         |              |
|           | Đã giữ lại 10% tiết kiệm tại ngân sách tỉnh                                                  |              |
| 1.2       | <b>Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức - MNKT 085</b> | -            |
|           | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                         |              |